

# RỐI NƯỚC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VÀ SỰ PHỤC HỒI TỪ THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

VŨ TÚ QUỲNH<sup>(\*)</sup>

**N**ghệ thuật rối nước đồng bằng Bắc bộ có lịch sử tồn tại khoảng hơn ngàn năm và trải qua nhiều thời kỳ biến động. Cùng với sự phát triển của lịch sử, rối nước cũng có thời kỳ phát triển hay suy tàn. Thực tế đã có những phường rối bị mất nghề hoặc bị thất truyền những trò rối đặc sắc.

Từ Đổi mới đến nay, rối nước là một trong những loại hình văn hoá dân gian đang phục hồi mạnh mẽ và thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu cũng như những người làm công tác quản lý văn hóa. Nghiên cứu về sự phục hồi của rối nước trong giai đoạn hiện nay là cần thiết và mang tính thời sự. Bên cạnh việc tìm hiểu những tác nhân, động cơ khiến cho rối nước có được sự phục hồi, những thay đổi trong quan niệm của nghệ nhân và trong cách làm nghề, giữ nghề hay sự xuất hiện của những yếu tố mới..., chúng tôi còn quan tâm tới những vấn đề đặt ra đối với rối nước hiện nay để loại hình văn hoá dân gian này thích ứng được với cuộc sống hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động trên các mặt kinh tế, văn hóa...

## I. Đôi nét về rối nước đồng bằng Bắc bộ trước Đổi mới

Rối nước là trò diễn dân gian thường xuất hiện trong lễ hội truyền thống của các làng quê vùng đồng chiêm trũng Bắc bộ. Việc người nông dân sáng tạo và biểu diễn rối nước có liên quan tới một yếu tố tự nhiên rất quan trọng đối với cuộc sống nông nghiệp, đó là nước, cụ thể hơn là nước mưa - được coi như thứ nước của trời làm ra thóc lúa.

Khi nghiên cứu về các trò rối, chúng tôi nhận thấy nhiều dấu hiệu rất gần gũi với những lễ thức nông nghiệp mang tính biểu tượng, đặc biệt là lễ thức cầu nước mà người dân vẫn thực hiện trong lễ hội. Nói chung, những trò rối mô tả lao động nông nghiệp hầu hết đều có liên quan tới nước. Bằng cách diễn rối, con người hướng tới các thế lực siêu nhiên với ước vọng mùa màng tốt tươi và niềm tin về sự no đủ, bình an. Cho đến ngày nay, tuy vẫn có mối dây liên hệ với quá khứ qua những trò rối được diễn để dâng thánh tổ, dâng thành hoàng trong ngày hội làng, nhưng ý nghĩa tâm linh của các trò rối đã trở nên mờ nhạt hoặc đã mất đi do

---

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Nghiên cứu Văn hoá.

quá trình thể tục hóa, trở thành trò diễn mang tính vui chơi, giải trí.

Rối nước thường được biểu diễn tại ao làng, đặc biệt là những ao gắn với các công trình kiến trúc quan trọng của làng như đình, chùa, miếu. Các phường rối có những quy định, luật lệ khắt khe được duy trì qua nhiều đời như việc bảo mật nghề, thờ tổ nghề, truyền nghề theo dòng họ, không có phụ nữ trong phường hội, linh thiêng hóa các con rối (không giữ con rối trong nhà, trước lúc diễn phải có lễ xin thánh...).

Khoảng những thập niên 70, 80 của thế kỷ XX, rối nước rơi vào tình trạng suy tàn, các phường hội không còn giữ được hoạt động, cho dù chỉ là mỗi năm một, hai lần. Phường hội tan rã, các trò rối bị quên lãng, con rối hỏng hóc và mất mát dần là tình trạng chung ở hầu hết các phường rối dân gian của đồng bằng Bắc bộ. Chúng tôi nhìn nhận sự suy tàn của rối nước từ hai vấn đề lớn, thứ nhất là sự thiếu thốn của đời sống kinh tế thời bao cấp, thứ hai là sự suy giảm của văn hóa truyền thống mà cơ bản là văn hóa làng bị phá vỡ, kèm theo đó là những quan điểm và cách ứng xử không thích hợp đối với văn hóa truyền thống.

Cũng trong giai đoạn này, phong trào bài trừ mê tín dị đoan với những quan niệm, chính sách cực đoan, đã dẫn tới việc phá hủy đình chùa, lăng tẩm, di sản văn hoá truyền thống của tiền nhân. Quan điểm coi văn hóa cổ truyền là văn hóa phong kiến, lạc hậu, cần xóa bỏ đã gây ra phong trào đập phá, hủy hoại các công trình văn hoá, tín ngưỡng, lịch sử, nhiều phong tục cổ truyền bị cấm đoán, nhiều hình thức tín ngưỡng bị xoá bỏ, lễ hội của làng xã thu hẹp dần. Đời sống tâm linh của quần chúng nhân dân bị can thiệp và bị quy kết là mê tín dị đoan.

Một điều cơ bản là sức sống của loại hình nghệ thuật này gắn chặt với hội làng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, do sự bài trừ mê tín dị đoan, hội làng đã không còn là sinh hoạt thường niên của người dân. Không gian của hội làng chính là không gian của rối nước. Khi đời sống khó khăn, người dân không có điều kiện mở hội, đình làng trở thành sân kho, sân phơi hợp tác xã, nhu cầu tâm linh bị chế ngự do bị hiểu là mê tín dị đoan... thì đương nhiên rối nước không còn điều kiện để tồn tại.

Cũng có thể xuất phát từ quan điểm coi văn hóa truyền thống là lạc hậu và thấp kém nên cũng như nhiều hiện tượng văn hóa dân gian khác, rối nước đã chìm vào các hoạt động bị coi là què mùa theo cái ý là thấp kém và lạc hậu. Với tất cả sự mất mát này, điều kiện để cho một phường rối nước có thể hoạt động được dường như đã ở tình trạng xấu nhất.

## **II. Những thay đổi và sự phục hồi của rối nước từ thời kỳ Đổi mới đến nay**

Từ năm 1986, với chính sách đổi mới của Nhà nước, cơ cấu làng xã được tái lập, các hoạt động văn hóa được khôi phục, đời sống tinh thần của người dân cũng được quan tâm, đó là những dấu hiệu mở đầu cho thời kỳ phục hưng của văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung và của rối nước nói riêng.

Sự bùng phát trở lại của nhiều phường rối nước cũng như sự gia tăng các hoạt động rối nước trong các sự kiện văn hoá tầm cỡ quốc gia là những dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự phục hồi của một hiện tượng văn hóa dân gian sau giai đoạn suy tàn. Trong số gần 30 phường rối nước dân gian của đồng bằng Bắc bộ trước đây, hiện có 15 phường đã

phục hồi và duy trì hoạt động. Tất cả những phường rối này đều đã có tên tuổi từ xưa, không có phường nào được thành lập mới hoàn toàn. Phường rối được phục hồi gần đây nhất là phường Nghĩa Hưng (Nam Định) năm 2004.

Bên cạnh 15 phường rối nước dân gian, hai đơn vị chuyên nghiệp là Nhà hát múa rối nước Thăng Long và Nhà hát múa rối Việt Nam cũng phát triển mạnh hoạt động rối nước.

Bên cạnh những hình thức truyền thống, rối nước mi ni chính là một sáng tạo mới. Sáng kiến này của Phan Thanh Liêm, một nghệ nhân phường Nam Chấn (Nam Định), tỏ ra thích hợp với không gian đô thị chật hẹp, không có nhiều ao hồ và đất trống. Gọn nhẹ, chiếm ít không gian, dễ dàng và thuận tiện trong di chuyển, rối nước mi ni của Phan Thanh Liêm tiến tới khai phá thị trường khán giả ở cả các vùng khác, thậm chí cả khán giả ngoài biên giới quốc gia.

Xu hướng thịnh hành rối nước không chỉ thúc đẩy hoạt động của các phường rối dân gian có lịch sử lâu đời mà còn lan rộng ra khỏi vùng đồng bằng Bắc bộ. Sự xuất hiện của rối nước ở đảo Phú Quốc, biểu diễn rối nước ở Nhà hát rối Rồng Vàng thành phố Hồ Chí Minh là hai địa chỉ mới của rối nước ngoài vùng đồng bằng Bắc bộ.

Bên cạnh sự xuất hiện thêm của một vài địa chỉ biểu diễn rối nước, trong bản thân mỗi phường rối dân gian cũng diễn ra nhiều thay đổi do tình hình thực tế cung cầu của xã hội. Ở đây chúng tôi xin nêu một số nét chính.

#### *\* Tồn tại hoạt động*

Do sự phát triển mạnh của hoạt động du lịch, biểu diễn rối nước tại làng

có điều kiện diễn ra thường nhật hơn để phục vụ nhu cầu của du khách. Khác hẳn với trước đây, rối nước là sinh hoạt của riêng cộng đồng, một năm xuất hiện đôi ba lần trong hội làng, hiện nay rối nước được biểu diễn quanh năm khi có đơn đặt hàng của các công ty du lịch và nó đã trở thành một sự hấp dẫn đặc biệt đối với những người yêu thích du lịch làng quê. Từ hoạt động biểu diễn phục vụ du lịch, các nghệ nhân có thu nhập, phường rối được củng cố về tổ chức. Người dân rất tích cực hưởng ứng cho hoạt động này vì nó đem lại nguồn lợi cho cộng đồng cả về vật chất và danh tiếng.

Để thu hút khách du lịch, nhiều làng quê còn đầu tư sửa sang, quy hoạch đường làng, ngõ xóm sạch đẹp, vệ sinh, thuận tiện cho giao thông, xây dựng thủy đình, quy hoạch không gian diễn rối có chỗ ngồi, có mái che để có thể biểu diễn trong cả những ngày mưa hay nắng, nâng cao chất lượng phục vụ.

Lưu diễn là hoạt động phát triển mạnh từ thời kỳ Đổi mới đến nay. Khắc phục tình trạng bị cố định bởi sân khấu nước, nhiều phường rối như Đào Thục, Nam Chấn, Chàng Sơn, Phú Đa, Thanh Hải đã trang bị bể rối lưu động và thủy đình lắp ghép bằng phen tre để mang rối nước ra khỏi làng quê, đi đến nhiều vùng miền của đất nước và cả nước ngoài.

#### *\* Thủy đình được xây tại làng*

Chúng ta đã quen với hình ảnh của rối nước được biểu diễn trong sân khấu nước có tòa thủy đình, và chắc hẳn trong suy nghĩ của nhiều người, thủy đình đã trở thành một trong những biểu tượng của rối nước. Tuy nhiên trước đây, tại các làng rối nước dân gian của đồng bằng Bắc bộ, tính đến thời điểm trước Đổi mới, không một làng rối nào có thủy đình được

xây gạch kiên cố như hiện nay, cho dù hàng năm, rối nước vẫn được diễn tại làng trong những ngày có hội.

Năm 1987, các nghệ nhân phường rối Nam Chấn đã tự sáng tạo một mẫu hình thủy đình dựa trên hình thái kiến trúc đình chùa. Thủy đình làng Phú Đa (Thạch Thất, Hà Nội) cũng được xây dựng năm 1992. Kể từ năm 2000, với chương trình tài trợ từ Quỹ Ford, hàng loạt thủy đình đã được xây dựng tại các phường rối nước dân gian. Thủy đình Nguyên Xá (Thái Bình) xây dựng năm 2000, thủy đình Đào Thục (Đông Anh, Hà Nội) xây dựng năm 2001, thủy đình Chàng Sơn (Thạch Thất, Hà Nội) xây dựng năm 2004...

Việc xuất hiện thủy đình ở các làng rối một mặt cho chúng ta thấy hình ảnh cụ thể về một sân khấu rối nước, bổ khuyết cho sự tạm bợ và thiếu ổn định của nơi diễn rối nước trong suốt chiều dài lịch sử của nó, mặt khác khẳng định lại vai trò và vị thế của rối nước trong sinh hoạt văn hoá của cộng đồng làng.

*\* Con rối nước được sản xuất hàng loạt và trở thành hàng hóa*

Trước đây, con rối nước là những sản phẩm thủ công dân gian do nghệ nhân rối nước tự tạc đẽo, nó cất giấu những bí mật của nghề rối, những kỹ thuật, thủ thuật nhà nghề, và nó chính là gia tài của phường rối. Nghệ nhân diễn trò nào thì tự tạc con rối của trò đó và chỉ họ mới biết cách điều khiển. Con rối quan trọng là như vậy nhưng hiện nay, việc sản xuất con rối hàng loạt để bán ra thị trường đã trở nên phổ biến, vì thế, với nhiều phường rối, việc tự làm con rối để biểu diễn đã không còn quan trọng nữa. Khi không có khả năng tự đục rối thì nghệ nhân có thể dễ dàng mua lại từ nơi khác. Chính điều này đã tạo điều kiện

dễ dàng hơn cho nhiều phường rối phục hồi, ngay cả khi nghệ nhân nơi đó không có khả năng tạc đẽo con rối.

*\* Sự hỗ trợ của các yếu tố cộng hưởng*

Một trong những dấu hiệu đáng chú ý của giai đoạn phục hồi là rối nước được dần hoàn thiện bởi sự cộng hưởng của nhiều loại hình nghệ thuật và có xu hướng chuyên biệt hoá chức năng của các thành viên. Các nghệ nhân biểu diễn rối trước đây phải kiêm nhiệm nhiều công việc cùng một lúc. Họ vừa diễn rối vừa hát, đọc lời thoại, làm khẩu thuật cho các nhân vật rối của mình. Nhưng hiện nay rất nhiều phường rối đã thành lập ban nhạc rối đảm nhiệm chức năng âm thanh.

Ban nhạc rối ra đời quy tụ những nghệ nhân hát chèo, dân ca, quan họ, những nghệ nhân chơi nhị, nguyệt, sáo... mà làng quê nào dường như cũng có. Dân nhạc rối trước đây đơn giản hơn về chủng loại nhạc cụ và thường ngồi phía trong buồng trò, không xuất hiện trước công chúng. Trong dân nhạc rối hiện nay, ngoài bộ gõ vốn được chuyên dùng để giữ tiết tấu trong diễn rối còn có thêm bộ hơi, bộ dây để thể hiện giai điệu và hòa thanh làm cho âm nhạc trở nên sinh động hơn rất nhiều, cùng với đó là sự hỗ trợ của các trang thiết bị tăng âm hiện đại và ánh sáng để có thể phục vụ một khối lượng khán giả lớn trong một không gian rộng.

Ban nhạc rối ra khỏi buồng trò, đứng trên bờ quan sát con rối để khớp lời thoại dễ dàng hơn. Cách làm này một phần có chủ ý khoe sự đa tài, đa nghệ của phường rối, tạo điểm nhấn sinh động về dấu ấn đặc sắc của văn hoá dân tộc thông qua phục trang của nghệ nhân và các loại hình nhạc cụ.

*\* Mở rộng nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực trẻ là tín hiệu của sự hồi sinh. Trong nhiều thế kỷ, rối nước đã tồn tại theo kiểu truyền thừa qua nhiều thế hệ. Đối tượng được truyền nghề hoàn toàn là con em trong làng, đặc biệt là con cháu các nghệ nhân làm rối. Tuy nhiên, sự truyền thừa này không phải lúc nào cũng có thể thực hiện được dễ dàng, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi xu hướng làm kinh tế, nâng cao đời sống vật chất đã cuốn hút một bộ phận thoát ly quê hương đi làm ăn xa, hoặc có ở nhà thì cũng tập trung vào những ngành nghề mới theo xu thế phát triển của xã hội. Tình trạng thiếu diễn viên ở các làng rối trở thành vấn đề nan giải, điều này đồng nghĩa với nguy cơ thất truyền của nghề cổ. Khắc phục tình trạng này, các phường rối nước ở đồng bằng Bắc bộ đã phá bỏ nguyên tắc bí truyền của nghề nghiệp, phá bỏ nguyên tắc truyền thừa theo dòng họ để thu nạp và đào tạo lớp nghệ nhân trẻ, sẵn sàng kế tục sự nghiệp của cha ông.

Một thay đổi lớn nữa trong tổ chức phường hội là sự tham gia của nữ giới vốn là một điều rất cấm kỵ ở các phường rối dân gian trước đây. Sự thay đổi này một mặt nói lên những cải thiện về vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình, trong các tổ chức nghề nghiệp và tổ chức xã hội, mặt khác, nó cho thấy sự thay đổi trong quan niệm của các nghệ nhân khi nhận thấy một số vấn đề của luật lệ không còn cần thiết và thích hợp.

*\* Quảng cáo tiếp thị giúp hình ảnh rối nước được mở rộng*

Hoạt động quảng cáo tiếp thị là công việc hết sức quan trọng, được các phường rối nước tập trung thúc đẩy như một kênh thông tin trực tiếp và hiệu quả

nhất nhằm quảng bá hình ảnh của mình ra bên ngoài, giúp mở rộng thị phần khán giả. Các hình thức quảng cáo đã được áp dụng có hiệu quả là: In tờ rơi quảng cáo, phát quà lưu niệm cho du khách sau mỗi buổi diễn, mở website riêng, tổ chức các buổi họp báo, thông cáo báo chí, những cuộc tọa đàm, thực hiện xuất bản băng, đĩa hình... Đó là sự thích ứng của những nghệ nhân dân gian hôm nay với cuộc sống hiện đại.

### III. Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay

*Vấn đề truyền thống và đổi mới*

Nghiên cứu sự phục hồi của các phường rối nước, chúng tôi nhận thấy hầu hết các nghệ nhân đều khai thác trò rối nước truyền thống để xây dựng chương trình biểu diễn của phường. Xuất phát từ việc muốn khẳng định nghề rối của địa phương mình đã có từ lâu, các nghệ nhân hầu như đều hướng vào việc dựng lại các trò rối mang tính khuôn mẫu của rối nước. *Tễu, rồng phun nước, múa tứ linh, lân tranh cầu, múa tiên, cày cấy, đánh cá, chăn vịt, chọi trâu, câu éch, đấu vật, đánh đu, bơi lội, đua thuyền...* là những trò rối kinh điển mà dường như phường rối nước nào cũng có. Có nhiều lý do để các nghệ nhân trân trọng truyền thống và muốn làm theo cha ông mình. Bởi học theo ông cha để kế nghiệp giữ gìn nghề rối là con đường vào nghề của hầu hết các nghệ nhân dân gian. Bên cạnh đó, làm các trò rối mới vừa khó lại tốn kém vì phải có người dựng kịch bản dù chỉ ở mức độ đơn giản, hơn nữa phải tạo con rối mới phù hợp với nội dung. Chi phí vì vậy mà tăng cao. Hơn nữa, mặc dù nhu cầu về những trò rối mới là có nhưng trên thực tế, những trò rối mới khi ra đời lại không có đất diễn. Ngoài ra, một thực tế hiện nay là nhu cầu du lịch với thị hiếu của người

nước ngoài đang quyết định cho nhu cầu của thị trường. Rối cổ với nét đẹp đặc trưng của đời sống nông nghiệp trở nên có ưu thế hơn trong phục vụ du lịch so với những trò rối mới, điều này phần nào quyết định cho lựa chọn của nghệ nhân khi xây dựng một chương trình biểu diễn.

Chúng tôi hiểu rằng, để có thể đạt kết quả phục hồi nhanh chóng nhất, các phường rối đã lựa chọn cách làm truyền thống, vì như thế các nghệ nhân không phải đầu tư quá nhiều công sức cho việc sáng tạo cái mới và chỉ cần tập luyện một thời gian ngắn là có thể ra mắt trình nghệ. Tuy nhiên, rối nước truyền thống là hình ảnh đẹp của một thời đang và sẽ trôi qua. Cũng giống như ở nhiều hiện tượng văn hóa khác, truyền thống là một giá trị và càng giá trị hơn khi đó là một truyền thống vận động, biến đổi cho phù hợp với thời đại chứ không bất biến để chỉ có giá trị bảo tồn.

#### *Tính đa dạng của rối nước*

Vấn đề này được đặt ra trong thực trạng hiện nay ở các phường rối nước dân gian giai đoạn phục hồi, đó là sự giống nhau về cách làm rối, diễn rối cũng như việc xây dựng, lựa chọn tiết mục cho một buổi biểu diễn... Đường như các phường rối nước dân gian không muốn thoát ra khỏi hình ảnh truyền thống mà đáng lẽ cần phải làm cho mới và hấp dẫn, cho hay và có ý nghĩa, cho khác và độc đáo thì mới tạo dựng được hình ảnh của mình với những sắc thái và phong cách riêng.

Việc con rối được sản xuất để bán đã đáp ứng nhu cầu của một số phường rối khi nghệ nhân nơi đó không có khả năng tạo quân, điều đó giúp cho nhiều phường rối có điều kiện phục hồi, song cũng vì thế tính đa dạng của rối nước không còn

được quan tâm, dấu ấn địa phương bị mờ nhạt, không tạo được nét riêng biệt của từng phường.

Việc xây dựng thủy đình theo một mẫu hình giống nhau ở hầu hết các phường cũng làm cho rối nước mất đi vẻ phong phú, đa dạng và tính hấp dẫn.

#### *Vấn đề kinh doanh nghệ thuật*

Bước vào thời kỳ Đổi mới, đặc biệt là khi du lịch phát triển, một nhu cầu lớn về thưởng thức văn hóa nghệ thuật truyền thống hình thành. Nhu cầu này nảy sinh từ nhiều nguyên nhân: từ việc khai thác các giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc để phát triển du lịch, từ việc tôn vinh các hoạt động văn hóa truyền thống nhằm gìn giữ và bảo lưu các giá trị truyền thống trong xã hội hiện đại... Bên cạnh các chủ trương của Đảng và Nhà nước về gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc, bản thân người dân cũng có nhu cầu tự thể hiện các hình thức văn hóa nghệ thuật của địa phương trong những lễ hội của làng xã. Một nguyên nhân nữa là việc tìm về với văn hóa truyền thống như là một đối trọng để cân bằng cuộc sống hiện đại với những giá trị mới đang được tiếp nhận một cách ồ ạt.

Những trò rối cũ kỹ có thể không còn nhiều hấp dẫn với người dân trong nước, song lại rất thu hút du khách nước ngoài vì sự mới mẻ và kỳ lạ khi lần đầu được xem rối nước. Sự thích thú của người nước ngoài đối với rối nước đã mở ra cơ hội kinh doanh cho các nghệ nhân.

Hoạt động kinh doanh tại thời điểm này mặc dù là điều kiện để rối nước phục hồi song không phải là phương thức tồn tại duy nhất. Kinh doanh rối nước về bản chất là kinh doanh nét văn hóa vùng đồng bằng Bắc bộ, vì vậy những người làm rối nước cần chú trọng thể hiện sắc

thái văn hóa ấy như thế nào để có thể vừa kinh doanh thu lợi nhuận mà vẫn thúc đẩy rồi nước phát triển chứ không phải là sự bán rẻ nghệ thuật và bào mòn các giá trị truyền thống.

#### *Vấn đề khán giả*

Lợi thế hơn tất cả các loại hình nghệ thuật khác, rồi nước có ngôn ngữ nghệ thuật diễn hình phi diễn ngôn, điều này giúp nó đến được với đông đảo khán giả cho dù họ ở những nền văn hóa khác nhau, vượt lên trên rào cản của ngôn ngữ. Sự may mắn này đã giúp rồi nước có mạng lưới khán giả rộng hơn rất nhiều so với các loại hình nghệ thuật diễn lời.

Thị trường khán giả hiện nay đã có sự thay đổi rõ rệt và phân loại về nhu cầu thưởng thức. Người đến xem rồi nước chủ yếu là khách nước ngoài, số lượng người Việt Nam rất ít. Thị hiếu của khách nước ngoài có sự khác biệt với thị hiếu của người dân trong nước. Sự khác biệt về văn hóa, đặc biệt là những yếu tố của văn hóa truyền thống đang dần trở thành của hiếm vật lạ trong cuộc sống hiện đại, là yếu tố thu hút du khách đến với Việt Nam và đến với rồi nước.

Tuy không thường xuyên đến nhà hát để xem rồi, khán giả trong nước vẫn dành tình cảm cho di sản văn hóa có giá trị này. Nhưng những trò rồi cũ kỹ mang đến cho họ hình ảnh của quá khứ nhiều hơn những gì đang diễn ra ở hiện tại. Người xem trong nước chờ đợi nghệ thuật rồi nước sẽ có hình ảnh mới mẻ hơn, hấp dẫn hơn, đương đại hơn nhưng chưa được đáp ứng.

Tuy rằng hiện nay rồi nước phục hồi chủ yếu nhờ vào hoạt động du lịch, song đây là một lĩnh vực hướng nhiều hơn tới lợi ích kinh tế và phục vụ du lịch chỉ là một phần nhu cầu của thị trường. Những biến động của cuộc sống có thể sẽ làm hoạt động du lịch giảm sút, lượng du khách sụt giảm và điều đó sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của các phường rồi. Vì vậy, hướng vào nhu cầu của cộng đồng, của người dân trong nước có thể chưa có nhiều lợi nhuận ngay lập tức nhưng sẽ là hướng đi lâu dài. Sự tồn tại của rồi nước trong đời sống của người dân bản địa mới làm nên sức sống văn hóa của loại hình nghệ thuật này, cần phải xác định một hướng phát triển để nâng cao tầm vóc của rồi nước, tiếp tục tạo dựng những giá trị mới mang tinh thần của thời đại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Hồng. Nghệ thuật múa rồi. H.: Sân khấu, 2007.
2. Nguyễn Văn Huy (chủ biên). Liên hoan quốc tế về múa rồi tại Hà Nội, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. H.: 2000.
3. Trần Đình Hượu. Đến hiện đại từ truyền thống. H.: Văn hóa, 1996.
4. Mai Hải Oanh. Phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. <http://www.tapchiconsan.org.vn>
5. Ngô Đức Thịnh (chủ nhiệm đề tài). Nghiên cứu văn hóa Việt Nam 20 năm đổi mới, thực trạng và các vấn đề. Đề tài cấp Viện KHXH, 2006-2007, lưu tại Viện Nghiên cứu Văn hóa.